

Ngày 30/09/2025	129,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.8%	3.0%	-7.2%

Q3/25		
ROE	42.5%	+/- YoY ▲ 3.7%

Q3/25			
DT thuần	7,517	QoQ ▲ 1,241 ▲ 19.8%	YoY ▼ 470 ▼ 5.9%
	tỷ VNĐ		

9T 2025		
DT thuần	21,281	YoY ▼ 674 ▼ 3.1%
tỷ VNĐ		

Q3/25			
LN gộp	3,430	QoQ ▲ 661 ▲ 23.9%	YoY ▼ 306 ▼ 8.2%
	tỷ VNĐ		

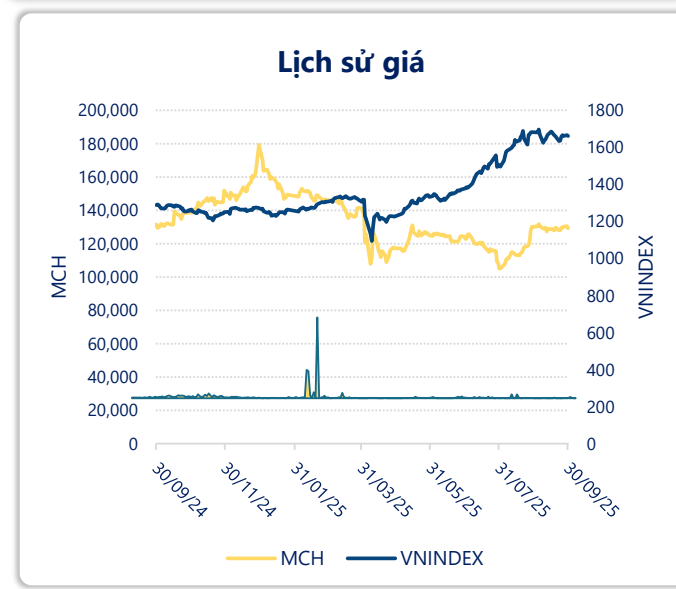
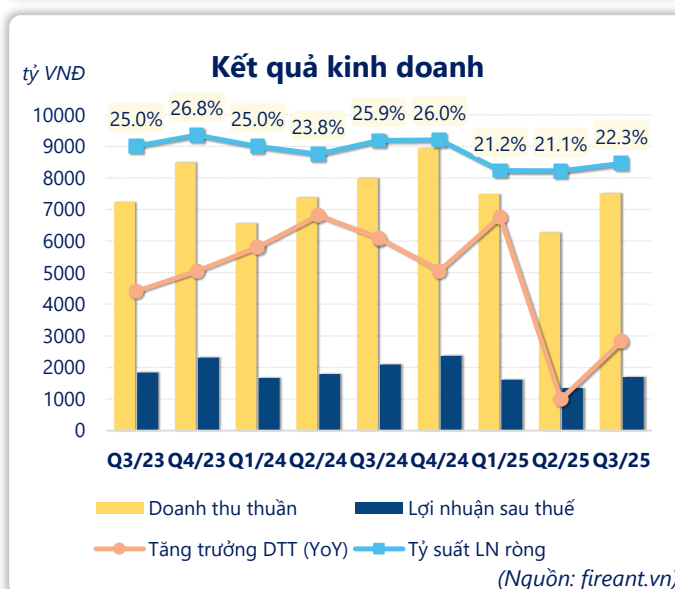
9T 2025		
LN gộp	9,699	YoY ▼ 529 ▼ 5.2%
tỷ VNĐ		

Q3/25			
LN thuần	1,951	QoQ ▲ 407 ▲ 26.4%	YoY ▼ 429 ▼ 18.0%
	tỷ VNĐ		

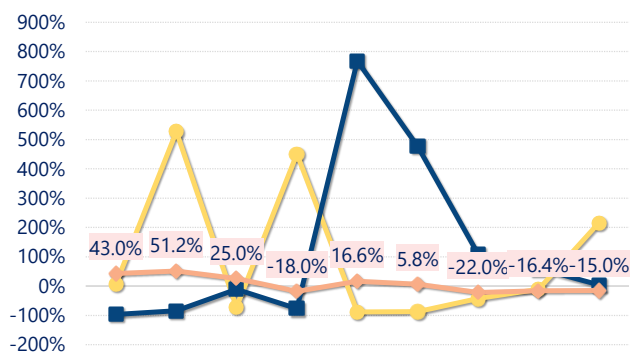
9T 2025		
LN thuần	5,336	YoY ▼ 966 ▼ 15.3%
tỷ VNĐ		

Q3/25			
LN sau thuế	1,698	QoQ ▲ 351 ▲ 26.1%	YoY ▼ 396 ▼ 18.9%
	tỷ VNĐ		

9T 2025		
LN sau thuế	4,660	YoY ▼ 893 ▼ 16.1%
tỷ VNĐ		



Tăng trưởng lợi nhuận

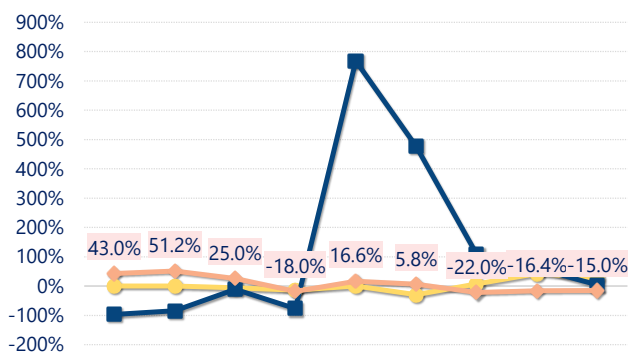


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

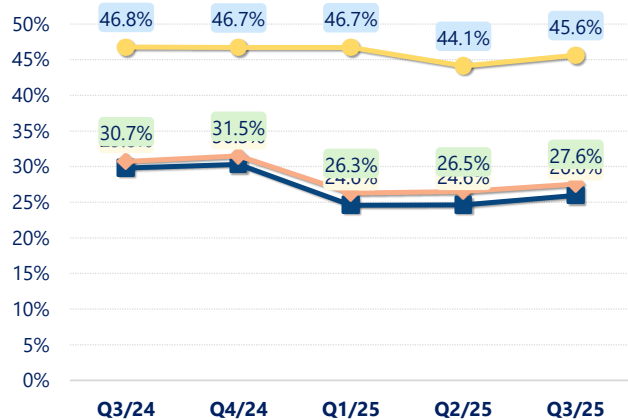


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

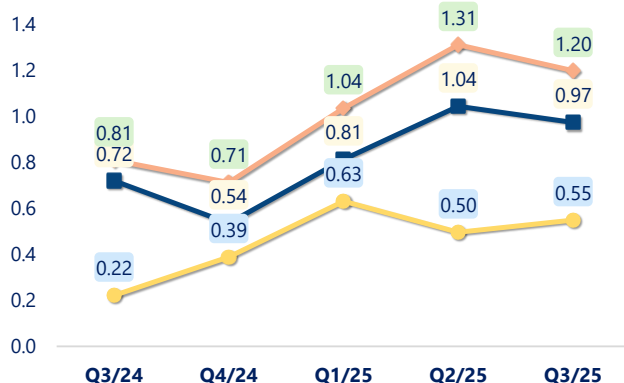


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

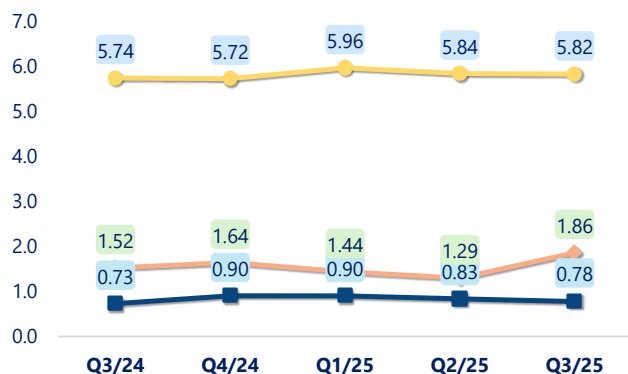


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

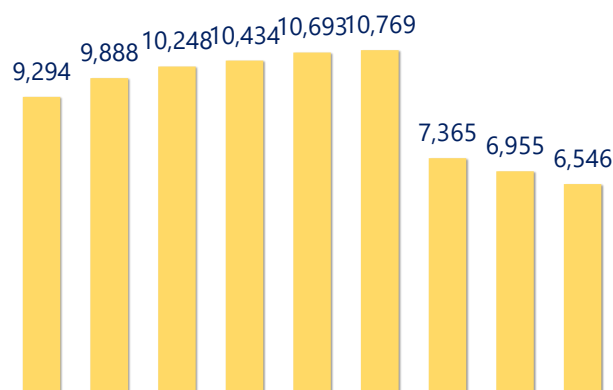


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	7,517	7,987	-5.9%	21,281	21,955	-3.1%
Giá vốn hàng bán	4,087	4,251	-3.9%	11,582	11,727	-1.2%
Lợi nhuận gộp	3,430	3,736	-8.2%	9,699	10,228	-5.2%
Doanh thu HĐTC	269	471	-42.9%	794	1,372	-42.1%
Chi phí TC	140	89.4	56.6%	423	251	68.5%
Chi phí lãi vay	124	78.3	58.0%	372	215	72.9%
LN trong công ty LKLD	22.3	17.5	27.6%	60.6	47.5	27.6%
Chi phí bán hàng	1,390	1,545	-10.1%	4,083	4,416	-7.5%
Chi phí QLDN	240	210	14.4%	712	679	4.8%
LN thuần từ HĐKD	1,951	2,380	-18.0%	5,336	6,302	-15.3%
Lợi nhuận khác	-3.19	-3.48	8.5%	-4.58	-2.53	-81.4%
LN trước thuế	1,948	2,377	-18.0%	5,332	6,300	-15.4%
Lợi nhuận sau thuế	1,698	2,094	-18.9%	4,660	5,553	-16.1%
LNST của CĐ cty mẹ	1,676	2,072	-19.1%	4,588	5,474	-16.2%

(Nguồn: fireant.vn)

